

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 10/6/2025

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Bàn Thị M và anh Lý Văn L”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Kim Duyên.

2. Ông Nguyễn Việt Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Lý Văn L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Bàn Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Lý Văn L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 01 tháng 10 năm 2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được

hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Chị và anh Lén đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không còn trách nhiệm gì với nhau. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể quay về chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn L.

Về con chung: Chị Bàn Thị M xác định chị và anh Lý Văn L có 03 con chung, cháu lớn nhất tên là Lý Bình Y, sinh ngày 24/12/2011; cháu thứ hai tên là Lý Đức B, sinh ngày 29/6/2013; cháu thứ ba tên là Lý Bảo A, sinh ngày 31/10/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng ông bà nội và anh Lén; sau khi ly hôn chị nhất trí để ba cháu ở với anh Lý Văn Lén và ông bà nội, chị sẽ có trách nhiệm chu cấp nuôi con theo khả năng của mình. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lý Bình Y và cháu Lý Đức B, nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với bố và ông bà nội, hiện các cháu được gia đình nuôi dưỡng, học hành đầy đủ.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Bàn Thị M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Lý Văn L đến để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều không có mặt. Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại thôn N, xã Y, huyện H và xác minh đối với bà Đặng Thị N là mẹ đẻ của anh L. Kết quả thể hiện, anh Lý Văn L hiện nay có nơi cư trú tại thôn N, xã Y, nhưng hiện nay anh đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà tại thôn N, xã Y; anh L và chị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung thời gian mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2016 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên hay cãi nhau; đến đầu năm 2025 anh chị mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị M và anh L đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, mỗi người sống một nơi, không có trách nhiệm gì với nhau. Gia đình bà Đặng Thị N có nhận được các văn bản tố tụng, tài liệu của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết nhưng anh L nói chị M làm đơn thì chị M tự giải quyết, anh không đến Tòa án làm việc. Anh L và chị M có 03 con chung, cháu lớn nhất là Lý Bình Y, sinh ngày 24/12/2011; cháu thứ hai là Lý Đức B, sinh ngày 29/6/2013; cháu thứ ba Lý Bảo A, sinh ngày 31/10/2019. Hiện nay các cháu ở cùng ông bà nội, khi anh L đi làm anh có nhờ bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, gửi tiền về nuôi con, thỉnh thoảng về nhà thăm con. Hiện

tại các cháu Lý Bình Y, cháu Lý Đức B được đi học hành đầy đủ; chị M, anh L không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Lý Văn L; về con chung: Giao cháu Lý Bình Y, sinh ngày 24/12/2011; cháu Lý Đức B, sinh ngày 29/6/2013; cháu Lý Bảo A, sinh ngày 31/10/2019 cho anh Lý Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; về tài sản chung, vay nợ chung, ý kiến trình bày của chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh L không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Bàn Thị M, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị M và anh Lý Văn L tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng. Hiện nay chị M và anh L đã ly thân, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Lý Văn L.

[2] Về con chung: Chị Bàn Thị M và anh Lý Văn L có 03 con chung, cháu Lý Bình Y, sinh ngày 24/12/201; cháu Lý Đức B, sinh ngày 29/6/2013; cháu Lý Bảo A, sinh ngày 31/10/2019. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng ông bà nội và anh L; nguyện vọng của chị M và các cháu đều muốn ở với bố và ông bà nội nên đủ cơ sở chấp nhận đề nghị của chị M, giao các cháu cho anh L nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Bàn Thị M xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lý Văn L vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị M và anh L, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh L có nơi cư trú tại thôn N, xã Y, huyện H, anh L đi làm nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt. Tại phiên tòa chị Bàn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Lý Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 01 tháng 10 năm 2012 cho chị Bàn Thị M và anh Lý Văn L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Bình Y, sinh ngày 24/12/2011; cháu Lý Đức B, sinh ngày 29/6/2013; cháu Lý Bảo A, sinh ngày 31/10/2019 cho anh Lý Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Bàn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lý Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Thị Kim Duyên - Nguyễn Việt Phương

Hoàng Cao Tiến

